|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HUYỆN VĨNH BẢO  **TRƯỜNG THCS VIỆT TIẾN- TRUNG LẬP** | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II**  **NĂM HỌC 2023 - 2024**  **Môn: Ngữ Văn 8**  Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian giao đề)* |

1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TL** | **TL** |
| **I/ Đọc hiểu**  **\* Tiêu chí ngữ liệu:**  - Là một đoạn trích/văn bản hoàn chỉnh;  - Nguồn dữ liệu ngoài SGK | - Văn bản truyện, thơ, tùy bút, nghị luận, thông tin | Theo bản đặc tả  CT 2018 | | Theo bản đặc tả  CT 2018 | | Theo bản đặc tả CT 2018 | |  |
| **Tổng số câu** |  | 3 |  | 2 | 2 | 2 |  | **9** |
| **Số điểm** |  | 1.5 điểm |  | 1 điểm | 1.5 điểm | 2 điểm |  | **6 điểm** |
| **Tỉ lệ %** |  | 15% |  | 10% | 15% | 20% |  | **60%** |
| **II/ Phần tự luận: Đánh giá năng lực tạo lập văn bản** |  |  | |  | |  | - Viết bài văn phân tích tác phẩm văn học. |  |
| **Tổng số câu** |  |  | |  | |  | 1 | **1** |
| **Số điểm** |  |  | |  | |  | 4 điểm | **4 điểm** |
| **Tỉ lệ %** |  |  | |  | |  | 40% | **40%** |
| **TỔNG CHUNG** |  |  | |  | |  |  |  |
| **Số câu** |  | **3** | | **4** | | **2** | **1** | **10** |
| **Số điểm** |  | **1.5 đ** | | **2.5 đ** | | **2 đ** | **4 điểm** | **10 điểm** |
| **Tỉ lệ %** |  | **15%** | | **25%** | | **20%** | **40%** | **100%** |

**BẢN ĐẶC TẢ MÔN NGỮ VĂN LỚP 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | 1.Truyện cười. | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, cốt truyện, tình huống, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong truyện cười.  - Nhận biết được các yếu tố gây cười trong truyện cười.  - Nhận biết được đối tượng trào phúng, châm biếm trong truyện cười.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của tác giả dân gian với đối tượng trào phúng thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được tác dụng của các chi tiết, tình huống gây cười.  - Khái quát, rút ra được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của truyện cười. |
| 2. Truyện ngắn, Truyện lịch sử. | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện.  - Phân tích được vai trò, tác dụng của cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm. |
| 3. Thơ (thơ Đường luật, thơ sáu chữ, bảy chữ). | **Nhận biết**  - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, đối ngẫu. Nhận biết một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.  - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, đề tài, giọng điệp, nhịp điệu trong bài thơ; nhận biết được các yếu tố trào phúng trong thơ.  - Nhận biết được hình ảnh, biểu tượng tiêu biểu và nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập trong văn bản.  **Thông hiểu**  - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật.  - Phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật thơ trào phúng; vai trò, ý nghĩa của một số yếu tố hình thức thơ Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.  - Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Thể hiện được thái độ tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác trong đọc hiểu văn bản thơ. |
| 3. Hài kịch | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng.  - Nhận biết được cách phân cảnh, hồi, cốt truyện và nhân vật của hài kịch.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp.  **Thông hiểu:**  **-** Tóm tắt được cốt truyện của vở kịch.  - Phân tích được vai trò, tác dụng của một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng.  - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật kịch thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, xung đột.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của vở kịch.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản kịch.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc văn bản hoặc xem diễn xuất vở kịch. |
| 4. Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu:**  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  - Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. |
| 5. Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin như: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem.  - Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.  - Nhận biết được các trợ từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.  **Vận dụng**:  - Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể. |
| **2.** | **VIẾT** | 1. Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội để lại ấn tượng sâu sắc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội. Thể hiện đưcọ những ấn tượng, suy nghĩ và tình cảm sâu sắc. Sử dụng hiệu quả yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản. |
| 2. Nghị luận về một vấn đề của đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và thể hiện rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. |
| 3. Phân tích một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. |
| 4. Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. |

**III. ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau:**

**CẢNH NGÀY HÈ**

*Rồi(1) hóng mát thuở ngày trường,*

*Hòe lục đùn đùn tán rợp giương(2).*

*Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ(3),*

*Hồng liên trì đã tiễn mùi hương(4).*

*Lao xao chợ cá làng ngư phủ(5)*

*Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương(6)*

*Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng(7)*

*Dân giàu đủ khắp đòi(8) phương.*

*NGUYỄN TRÃI*

(Nguyễn Trãi *toàn tập*, Đào Duy Anh, NXB Khoa học xã hội, 1976)

**Chú giải:**

1. *Rồi:* ở đây là rỗi rãi.
2. *Lục*: màu xanh; *hoè lục:* màu xanh của cây hoè; *tán rợp giương*: tán giương lên che rợp.
3. *Thức* (từ cổ): màu vẻ, dáng vẻ. Ý cả câu thơ: cây thạch lựu ở hiên nhà đang phu màu đỏ
4. *Tiễn mùi hương*: ngát mùi hương (tiễn: từ Hán Việt, có nghĩa là dư ra). Ý cả câu: sen hồng trong ao đã ngát mùi hương.
5. *Làng ngư phủ*: làng chài lưới.
6. *Dắng dỏi* (từ cổ): có nghĩa là inh ỏi. *Cầm ve*: tiếng ve kêu như tiếng đàn. *Lầu tích dươn*g: lầu (nhà cao) lúc mặt trời sắp lặn.
7. *Dẽ có*: lẽ ra nên có; *Ngu cầm*: là đàn của vua Ngu Thuấn – vị vua làm nên triều đại lí tưởng, xã hội thanh bình, nhân dân hạnh phúc theo thần thoại Trung Quốc. Vua Ngu Thuấn có khúc hát *Nam phong*, trong đó có câu*: Nam phong chi thì hề khả dĩ phụ ngô dân chi tài hề* (Gió nam thuận thì có thể làm cho dân ta thêm nhiều của). Ý cả câu: Hãy để ta có cây đàn của vua Thuấn để đàn một khúc *Nam phong*.
8. *Đòi*: nhiều.

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Ý nào sau đây **không** đúng về bài thơ “Cảnh ngày hè” của Nguyễn Trãi?

A. Là một bài thơ Nôm của Nguyễn Trãi

B. Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm

C. Bài thơ có 8 câu, không có hình ảnh

D. Bài thơ có 2 câu lục ngôn (câu 1, 6)

**Câu 2**. Cảnh sắc thiên nhiên trong bài thơ là?

A. Buổi sáng hè nhẹ nhàng, tươi tắn.

B. Buổi trưa hè nồng nàn rực rỡ.

C. Buổi chiều hè sinh động, tràn đầy sức sống.

D. Một đêm hè thanh tĩnh, bình yên.

**Câu 3.** Cách tác giả dùng các động từ ***đùn đùn, giương, phun*** trong bài thơ cho ta cảm nhận gì về cảnh mùa hè ?

A. Sự nóng nực của mùa hè.

B. Sự tươi mát của thiên nhiên.

C. Sự nứt nẻ vì nóng của cây cối.

D. Sự sống mạnh mẽ của thiên nhiên.

**Câu 4.** Những câu thơ lục ngôn trong bài *Cảnh ngày hè* là:

A. Câu 1 và 5

B. Câu 1 và 6

C. Câu 1 và 7

D. Câu 1 và 8

**Câu 5**. Từ nào dưới đây **không** phải là từ Hán - Việt?

A. *Mùi hương*

B. *Ngư phủ*

C. *Hồng liên*

D. *Tịch dương*

**Trả lời các câu hỏi**:

**Câu 6.** Những âm thanh trong hai câu luận gợi không khí như thế nào về bức tranh cuộc sống?

**Câu 7.** Thành công nghệ thuật của bài thơ là gì?

**Câu 8**. Chỉ ra và nêu tác dụng của các từ tượng thanh trong 2 câu thơ sau:

*Lao xao chợ cá làng ngư phủ*

*Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương*

**Câu 9 *.*** Nhận xét tấm lòng của Nguyễn Trãi dành cho nhân dân ở hai câu thơ cuối.

**PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận phân tích bài thơ “*Cảnh ngày hè*” (Nguyễn Trãi).

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1 - 5** | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | | **C** | **C** | **D** | **D** | **A** |   ***Hướng dẫn chấm****:* Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm. | 2.5 |
| **6** | Rộn ràng, tấp nập | 0.5 |
| **7** | Sử dụng từ ngữ giản dị, quen thuộc, giàu sức biểu cảm.  Hình ảnh trong sáng, hài hòa màu sắc, âm thanh cuộc sống.  Câu thơ thất ngôn xen lục ngôn, từ láy độc đáo. | 0.75 |
| **8** | \*Sử dụng các từ tượng thanh: *lao xao, dắng dỏi* (0.25 điểm)  *\**Tác dụng (0.5 điểm):  + Từ *lao xao* gợi âm thanh tiếng mua bán, trao đổi đan xen nhau, nghe không rõ, không đều từ chợ cá nơi làng xa vọng lại. (0.25 điểm)  + Từ *dắng dỏi* gợi âm thanh inh ỏi của tiếng ve phát ra nơi lầu cao khi mặt trời sắp lặn. (0.25 điểm)  ***Hướng dẫn chấm***:  - *Trả lời như đáp án: 0.75 điểm*  *- Ở ý tác dụng: Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0.25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 1.0 |
| **9** | * Tấm lòng của Nguyễn Trãi: mong muốn có được cây đàn của vua Ngu Thuấn để gảy khúc *Nam phong* cầu mong mưa thuận gió hoà để mùa màng tươi tốt, nhân dân ấm no. * Đó là tấm lòng yêu nhân dân của Nguyễn Trãi, luôn mong nhân dân có cuộc sống thái bình, hạnh phúc. Dù cáo quan về ở ẩn, trong lúc thảnh thơi ngắm cảnh vẫn không quên nghĩ tới nhân dân.   ***Hướng dẫn chấm***:  - *Trả lời 2 ý như đáp án: 0.75 điểm*  *- Chỉ trả lời được 1 ý: 0.5 điểm.*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 1.25 |
|
|
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4.0** |
| **Viết bài văn nghị luận phân tích bài thơ “*Cảnh ngày hè*” (Nguyễn Trãi)** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0.25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Phân tích bài thơ “*Cảnh ngày hè*” (Nguyễn Trãi). | 0.25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **\***Giới thiệu tác giả Nguyễn Trãi và bài thơ *Cảnh ngày hè* trong tập *Quốc âm thi tập.* | 0.5 |
| **\*Phân tích nội dung của bài thơ:**  ***(1) Hoàn cảnh sống của Nguyễn Trãi trong những ngày về ở ẩn***:  + “Rồi”: Là một từ cổ có nghĩa là rảnh rỗi, nhàn hạ  + “Ngày trường”: Ngày dài, chỉ khoảnh thời gian rảnh rỗi.  + Hóng mát: Hoạt động an nhàn, tĩnh tại, thư thái  => Tâm thế an nhàn, thảnh thơi của tác giả. Nguyễn Trãi một đời bận rộn, tận tâm vì đất nước, đây là những giây phút hiếm hoi của cuộc đời.  **(2*) Bức tranh cảnh ngày hè:***  ***- Bức tranh thiên nhiên ngày hè rực rỡ, đầy sức sống:***  + Cây hòe có sức sống mãnh liệt giờ tán là xanh che phủ cả khoảng không gian  + Sắc đỏ của cây thạch lựu tô đậm thêm cho khung cảnh ngày hè  + Hương hoa sen tỏa ngát bay theo làn gió  => Cảnh vật ngày hè tươi tắn, tràn đầy sức sống, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên của của Nguyễn Trãi  - ***Vẻ đẹp bức tranh cuộc sống con người:***  + Nguyễn Trãi dùng nhiều từ Hán Việt như *ngư phủ, cầm ve, tịch dương* kết hợp nhuần nhuyễn với những từ thuần Việt tạo nên vẻ đẹp vừa mộc mạc, bình dị, vừa trang trọng tao nhã.  + Cuộc sống được cảm nhận bằng âm thanh: Âm thanh từ làng chợ cá, của tiếng ve râm ran mỗi độ hè về  + Từ láy tượng thanh *lao xao, dắng dỏi.*  Nhà thơ sử dụng hai từ láy tượng thanh “lao xao” – âm thanh của những phiên chợ cá, “dắng dỏi” – diễn tả âm thanh của tiếng ve, kết hợp với nghệ thuật đảo cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh những âm thanh bao trùm làng quê.  => Cuộc sống sôi động, ồn ão, tràn đầy sức sống và âm thanh.  => Cả thiên nhiên và con người đều hiện lên tràn đầy sức sống, tâm hồn lạc quan, yêu đời, tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên, tha thiết với cuộc sống quê nhà của nhà thơ Nguyễn Trãi.  Nhà thơ đã cảm nhận cái tinh tế, thú vị của ngày hè qua thị giác và thính giác:  Nhà thơ nhìn những tán lá xanh cây hòe, màu đỏ rực của thạch lựu, tiếng ve kêu ran cả khoảng không gian và hình ảnh người dân làng chài mỗi sớm thức dậy và bóng người kéo lưới buổi chiều ta.  Ngày hè cảm nhận qua thính giác khi nhà thơ thấy được hương sen thoảng theo gió  => Tâm hồn nhà thơ Nguyễn Trãi được hòa vào thiên nhiên, nói lên được tác giả là người rất yêu đời, yêu cuộc sống.  (***3) Tình yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi:***  + “Dẽ” là từ cổ nghĩa là lẽ, lẽ ra  “Ngu cầm” là cây đàn của vua Nghiêu vua Thuấn. Đây là điển cố quen thuộc của Trung Hoa kể về thời đại Nghiêu Thuấn – những ông vua nhân từ đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Hằng ngày vua Nghiêu Thuấn thường đem đàn ra gảy khúc nam phong ngợi ca cảnh thái bình trên xứ sở này  Thể hiện ước muốn có được cây đàn để ca ngợi khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và cuộc sống vui tươi trên quê hương ông, niềm vui sướng, hạnh phúc của tác giả khi được sống hòa hợp cùng thôn quê.  + Câu thơ cuối cùng thể hiện rõ ràng, cụ thể ước mơ được thấy cảnh thanh bình, ấm no trên đất nước.  => Nguyễn Trãi dù sống trong cảnh thanh nhàn nhưng vẫn nặng lòng với dân với nước. Ông ước mơ về cuộc sống no đủ, ấm áp sung túc không chỉ trên quê hương ông mà còn trải khắp đất nước.  **\*Phân tích nghệ thuật của bài thơ:**  + Giọng điệu trữ tình, sâu lắng, bút pháp tả sinh động  + Thể thơ sáng tạo thất ngôn xen lục ngôn  + Ngôn ngữ thơ phong phú, đa dạng vừa có lớp từ Hán Việt vừa có lớp từ thuần Việt tạo nên vẻ đẹp vừa trang trọng vừa bình dị  + Sử dụng các điển tích, điển cố  **\*Hướng dẫn chấm:**  - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm – 1,75 điểm.  - Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,0 điểm – 1,25 điểm.  - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm. | 1.75 |
| - Khẳng định ý nghĩa và vị trí của bài thơ.  - Nêu thông điệp rút ra từ bài thơ (nếu có).  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, giàu hình ảnh, cảm xúc.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

|  |  |
| --- | --- |
| BGH kí duyệt | Người ra đề  Nguyễn Thị Quỳnh Anh |